

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 09/01/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 368/2019/TLST - HNGĐ ngày 10/4/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 725/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/11/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 490/2019/QĐST - HNGĐ ngày 16/12/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1975

Hộ khẩu thường trú: xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ tạm trú: 167 đường G, khu phố a, phường TB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm: 1978

Hộ khẩu thường trú: xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ tạm trú: 167 đường G, khu phố a, phường TB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số I/2000 do UBND Phường Phổ Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 27/03/2000, có tổ chức đám cưới. Sau kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa chỉ: 17/3 đường số 13, khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và có 01 con chung nhưng đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Thanh thường nhậu, đánh bài, gây nợ nần nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, đánh đập. Bản thân bà cũng đã tha thứ nhiều lần, gia đình động viên nhưng ông Thanh vẫn không thay đổi. Tại Tòa

án bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung

01/ Võ Nguyễn Minh T (Nam), sinh ngày: 09/01/2001 – đã trưởng thành

- Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Võ Văn T:

- Theo kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì: Ông Võ Văn T, sinh năm: 1978 hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ: 167 đường G, khu phố a, phường TB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Toà án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Võ Văn T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Võ Văn T, về con chung có 01 con chung tên Võ Nguyễn Minh T (Nam), sinh ngày: 09/01/2001 - đã trưởng thành, về tài sản chung, nợ chung bà tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Tòa án, tại phiên tòa bà không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác, các thủ tục về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bị đơn, nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, cũng không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Tam Bình, quận Thủ Đức thì địa chỉ nơi cư trú cuối cùng cũng là địa chỉ thực tế cư trú của bị đơn ông Võ Văn T là tại địa chỉ: 167 đường Gò Dưa, khu phố a, phường TB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn ông Võ Văn T đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Võ Văn T vẫn vắng mặt

không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T đã tự nguyện đăng ký kết theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số I/2000 do UBND Phường Phổ Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 27/03/2000. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T là hôn nhân hợp pháp.

- Theo trình bày đương sự tại bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà Thu và ông Thanh tự nguyện kết hôn, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Thanh thường nhậu, đánh bài, gây nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng không thành, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T. Đối với bị đơn, theo kết quả xác minh thì ông Võ Văn T thực tế đang cư trú tại địa chỉ: 167 đường Gò Dưa, khu phố a, phường TB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục hợp lệ để ông tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông Thanh vắng mặt không có lý do. Do ông Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án tiến hành hoãn phiên tòa theo thủ tục pháp luật quy định và tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số 490/2019/QĐST - HNGĐ ngày 16/12/2019 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 02 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 09/01/2020 nhưng ông Võ Văn T vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, bà Thu kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Võ Văn T và xác nhận hiện tại vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn sự quan tâm cho nhau nữa, bản thân ông Thanh cũng biết việc bà yêu cầu ly hôn nhưng không hợp tác giải quyết. Trước khi quyết định ly hôn với ông Thanh thì bà đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân nhưng không thể duy trì cùng nhau, không có hạnh phúc nên bà mới quyết tâm ly hôn. Xét, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng thì phải chung sống cùng nhau, có tình nghĩa vợ chồng nhưng theo những gì bà Thu trình bày cho thấy quan hệ hôn nhân của ông, bà hiện tại đã lâm vào tình trạng nghiêm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì lý do trên, căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2 Về con chung:

- Căn cứ lời trình bày, tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, căn cứ bản sao y giấy khai sinh số 19, quyền I/2001 do Ủy ban nhân dân phường Phổ Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 08/02/2001 có cơ sở xác định con tên Võ Nguyễn Minh T (Nam), sinh ngày: 09/01/2001 là con chung của bà Thu và ông Thanh. Hiện con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280, Điều 264, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T

1.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Nguyễn Minh T (Nam), sinh ngày: 09/01/2001 - đã trưởng thành.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0023967 ngày 10/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu ý, quan hệ hôn nhân áp dụng luật 2000, xét thời điểm kết hôn